

Bản án số: **07/2022/DSST**
Ngày 18-3-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Sắc**
2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST–DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST–DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Chị **Phạm Thị Cẩm H** – sinh năm 1975 (có mặt)
 - Anh **Phạm Khắc N** - sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: số 93, ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn:*

- Chị **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1980 (vắng mặt lần 2, không lý do)
 - Anh **Phạm Văn T** – sinh năm 1978 (vắng mặt lần 2, không lý do)
- Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H, anh Phạm Khắc N trình bày:***

Nguyên vào ngày 27/5/2020, vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T có đến nhà vợ chồng chị H, anh N vay số tiền là 50.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn là 10 ngày sau sẽ trả cho chị H, anh N. Khi đó hai bên có làm biên nhận và có chị L, anh T ký tên. Nhưng khi đến hạn thì chị L, anh T không trả tiền cho anh chị và chị H, anh N có đến gặp nhiều lần nhưng chị L, anh T cứ hẹn mà không trả. Đến ngày 10/12/2020, chị L, anh T trả cho chị H, anh N số tiền gốc là 26.000.000đ và còn thiếu lại số tiền gốc là 24.000.000đ.

Từ đó đến nay chị L, anh T vẫn không trả số tiền gốc và lãi cho vợ chồng chị H, anh N mặc dù anh chị đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu chị L, anh T trả nợ.

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện thì chị L, anh T có xác nhận là còn nợ của chị H, anh N số tiền gốc 24.000.000đ, nhưng có hứa là khi có khoản tiền thôi việc 216.000.000đ thì sẽ trả cho chị H, anh N 01 lần số tiền là 22.000.000đ và anh chị đồng ý để tạo điều kiện cho chị L, anh T trả nợ. Nay chị L, anh T đã nhận được tiền nhưng vẫn không trả nợ cho vợ chồng anh chị.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu chị L, anh T phải trả cho vợ chồng anh chị số tiền gốc là 24.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật (20%/năm) đối với số nợ gốc 50.000.000đ từ khi vay đến ngày 10/12/2020 và tính lãi theo quy định của pháp luật (20%/năm) đối với số nợ gốc 24.000.000đ từ ngày 11/12/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

**** Theo bản tự khai ngày 14/12/2021, chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T trình bày:***

Vào ngày 27/5/2020, chị L, anh T có vay của vợ chồng chị H, anh N số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để trị bệnh. Đến ngày 10/12/2020, anh chị đã trả cho chị H, anh N số tiền gốc 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng), hiện còn nợ lại số tiền gốc là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chị L, anh T xin trả cho chị H, anh N một lần số tiền là 22.000.000đ trong khoản tiền chị L nhận thôi việc 216.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H, anh Phạm Khắc N và chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H, anh Phạm Khắc N được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Nguyên đơn anh Phạm Khắc N và bị đơn chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, còn chị L, anh T vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị H yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị L, anh T nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Khắc N và chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T.

- Về nội dung tranh chấp:

[1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Xét thấy khi vay các bên có làm Biên nhận ngày 27/5/2020, có chị L, anh T cùng ký tên, theo đó chị L, anh T vay của chị H, anh N số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn là 10 ngày sau sẽ trả cho chị H, anh N. Đồng thời, chị L, anh T cũng xác nhận là vợ chồng anh chị có vay của chị H, anh N số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và ngày 10/12/2020 anh chị đã trả 26.000.000đ, hiện còn nợ của chị H, anh N số tiền là 24.000.000đ. Do đó, việc chị H, anh N yêu cầu chị L, anh T phải trả cho anh chị số tiền gốc là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] *Về lãi suất:* Xét yêu cầu của chị H, anh N về việc yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật (20%/năm) đối với số nợ gốc 50.000.000đ từ khi vay đến ngày 10/12/2020 và tính lãi theo quy định của pháp luật (20%/năm) đối với số nợ gốc 24.000.000đ từ ngày 11/12/2020 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay hai bên có thỏa thuận về việc tính lãi nên việc chị H, anh N yêu cầu tính lãi trên nợ gốc là có căn cứ. Tuy nhiên, trong Biên nhận ngày 27/5/2020 hai bên thỏa thuận lãi suất vay 2%/tháng là vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời

chị H cũng có yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật (20%/năm). Mặt khác, ngày 10/12/2020 chị L, anh T đã trả cho chị H 26.000.000đ tiền gốc nên việc tính lãi từ thời điểm sau ngày 10/12/2020 phải căn cứ trên số nợ gốc còn lại là 24.000.000đ. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[3] Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, lãi suất.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H, anh Phạm Khắc N:

- Buộc chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T phải trả cho chị H, anh N số tiền là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

- Tiền lãi trên số nợ gốc 50.000.000đ từ ngày 27/5/2020 – 10/12/2020:
 $(50.000.000đ \times 6 \times 1.667\%) + (50.000.000đ \times 13 \times 0.055\%) = 5.001.000đ + 357.500đ = 5.358.500đ$

- Tiền lãi trên số nợ gốc 24.000.000đ từ ngày 11/12/2020 – 18/3/2022:
 $(24.000.000đ \times 1 \times 20\%) + (24.000.000đ \times 3 \times 1.667\%) + (24.000.000đ \times 6 \times 0.055\%) = 4.800.000đ + 1.200.240đ + 79.200đ = 6.079.440đ$.

Tổng cộng tiền lãi là: $5.358.500đ + 6.079.440đ = 11.437.940đ$.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị Phạm Thị Cẩm H, anh Phạm Khắc N được chấp nhận nên chị H, anh N không phải chịu án phí.

Buộc chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T phải nộp án phí là $35.437.940đ \times 5\% = 1.771.897đ$.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H, anh Phạm Khắc N về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T.

2. Buộc chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T phải trả cho chị Phạm Thị Cẩm H, anh Phạm Khắc N số tiền gốc là 24.000.000đ, tiền lãi là 11.437.940đ, tổng cộng là: 35.437.940đ (Ba mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T phải nộp án phí là $35.437.940đ \times 5\% = 1.771.897đ$ (Một triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Phạm Thị Cẩm H, anh Phạm Khắc N số tiền là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006176, ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn anh Phạm Khắc N và bị đơn chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo